

Thứ hai, ngày 8 tháng 10 năm 2018

Vietnam Daily Review

Ảnh hưởng tiêu cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 09/10/2018		•	
Tuần 8/10-12/10/2018		•	
Tháng 10/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động, giảm nhẹ trong phiên sáng, đà giảm tiếp tục tăng ở phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm BID (+0.53 điểm); MWG (+0.15 điểm); TCH (+0.1 điểm); YEG (+0.08 điểm); HSG (+0.07 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm GAS (-2.08 điểm); VIC (-1.88 điểm); VHM (-1.39 điểm); VNM (-1.19 điểm); VRE (-1.00 điểm)
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu dịch vụ và nhựa, thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 4,342.2 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 10.01 điểm. Thị trường có 107 mã tăng và 173 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 12.27 điểm, đóng cửa tại 996.12 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index giảm 0.29 xuống 114.38 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 127.21 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VIC (92.16 tỷ), MSN (89.12 tỷ) và VJC (37.53 tỷ). Cùng lúc đó, họ cũng bán ròng 5.63 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index biến động và có mức giảm nhẹ trong phiên sáng, nhóm cổ phiếu ngân hàng như BID, VCB, MBB, CTG, STB hút dòng tiền mạnh, nhóm bluechips như MWG, PNJ, SSI cũng hỗ trợ tích cực cho thị trường. Trong phiên chiều, lực bán tập trung ở nhóm cổ phiếu ngành dầu khí như GAS, PLX, PVD, PVS và các cổ phiếu nhóm bất động sản khiến như VIC, VRE, NVL khiến chỉ số tiếp tục giảm sâu. Khối ngoại bán mạnh tập trung ở VIC và MSN. Trên quan điểm của BSC, thị trường tiếp tục có phiên điều chỉnh do tâm lý nhà đầu tư trong nước tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi tâm lý thị trường trong khu vực với sự giảm mạnh của thị trường chứng khoán Trung Quốc trong phiên hôm nay, xu thế thị trường sẽ có khả năng tiếp tục giằng co trong vùng 992 – 996 điểm với thanh khoản giảm nhẹ trong các phiên sắp tới, trước khi phục hồi về mốc 1000 điểm. Nhà đầu tư nên tiếp tục theo dõi tình hình kinh tế vĩ mô trong nước và thế giới và hạn chế giao dịch.

Phân tích kỹ thuật:

VCG_Xu hướng tăng

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 996.12

Giá trị: 4342.2 tỷ -12.27 (-1.22%)

Khối ngoại (ròng): -127.21 tỷ

HNX-INDEX 114.38

Giá trị: 697.37 tỷ -0.29 (-0.25%)

Khối ngoại (ròng): -5.63 tỷ

UPCOM-INDEX 53.67

Giá trị: 342.6 tỷ -0.37 (-0.68%)

Khối ngoại (ròng): -0.51 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	73.5	-1.10%
Giá vàng	1,195	-0.68%
Tỷ giá USD/VND	23,353	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,800	-0.36%
Tỷ giá JPY/VND	20,595	0.33%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.4%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
TCH	59.8	VIC	92.2
BID	54.0	MSN	89.1
YEG	47.2	VJC	37.5
STB	40.6	VCB	35.1
KBC	11.7	PLX	13.2

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường Trang 1

Phân tích kỹ thuật Trang 2

Danh mục khuyến nghị Trang 3

Cổ phiếu lớn Trang 4

Thống kê thị trường Trang 5

Báo cáo mới nhất Trang 6

Khuyến cáo sử dụng Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

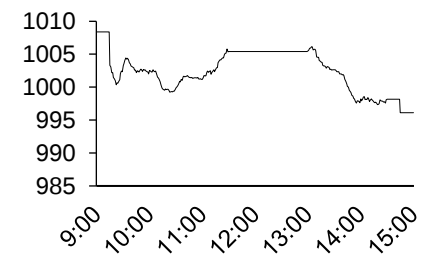
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
STB	10.6	13.9	12	14	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
VIC	7.5	96.6	92	104	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
HSG	6.7	13.3	12	14	MUA	Tăng giá kéo dài
HPG	6.7	41.2	37	43	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
CTG	5.5	26.9	27	28	NGỪNG BÁN	Điều chỉnh trong ngắn hạn
MBB	5.3	23.8	22	24	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
TCH	5.1	24.3	23	27	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
BID	5.1	36.0	34	37	MUA	Tăng giá kéo dài
VJC	4.1	140.6	134	154	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
MWG	3.7	128.0	116	132	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

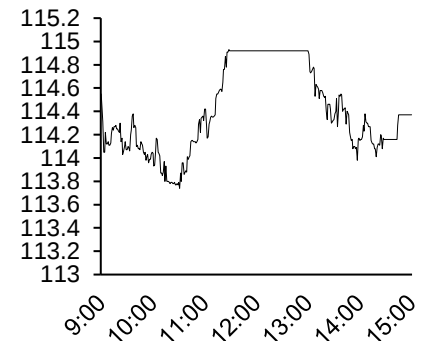
Phân tích kỹ thuật

VCG_Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ trên đường trung tâm với xu hướng tăng
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, hướng đến kênh Bollinger trên.
- Đường MA: Đường MA 20 vượt đường MA 50 và hướng tới ngưỡng MA 200. Đường MA200 đang trong xu hướng giảm.

Nhận định: VCG nằm trong xu hướng tăng giá ngắn hạn và tích lũy dài hạn từ đầu tháng 5. Cổ phiếu hiện tại có mức thanh khoản đạt mức cao trên ngưỡng trung bình cho thấy xu hướng tăng vẫn có thể tiếp tục. Hiện tại xu hướng vận động MACD và chỉ báo RSI cũng cho thấy tín hiệu tăng giá ngắn hạn khi các chỉ số này vẫn đều đang ở trạng thái có tín hiệu tăng. Xu hướng vận động 3 đường MA cho thấy cổ phiếu đang tăng giá ngắn hạn sau giai đoạn tích lũy dài hạn. Như vậy, cổ phiếu VCG sẽ vượt ngưỡng kháng cự 20 và tiến tới kiểm tra lại ngưỡng kháng cự lớn tại mức giá 22.5.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1810	973.2	-1.0%	19.9%
VN30F1811	972.9	-1.0%	64.6%
VN30F1812	972.2	-1.3%	42.3%
VN30F1903	974.6	-1.0%	2.1%

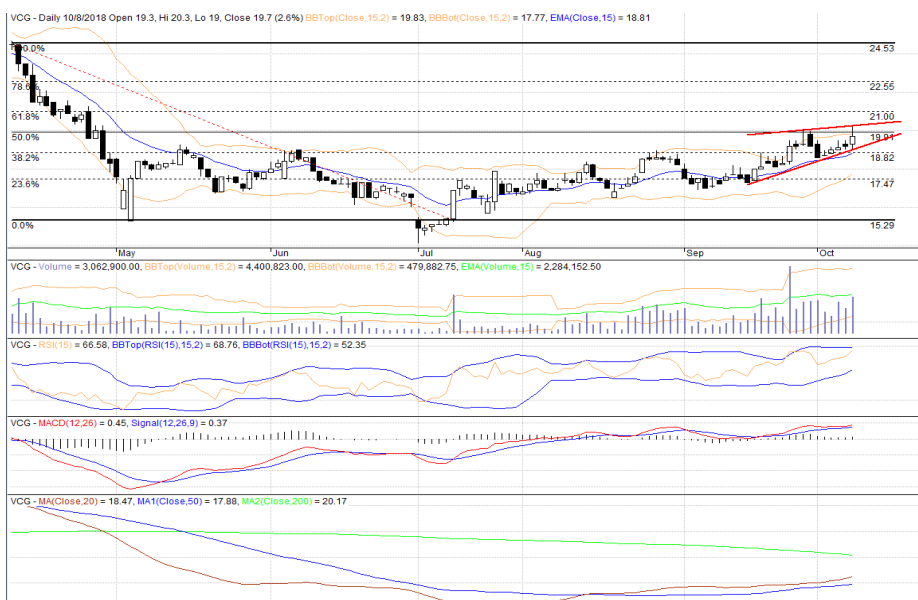
Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MWG	128	1.2	0.5
HSG	13	4.7	0.3
STB	14	0.4	0.1
MBB	24	0.2	0.1
CII	26	1.0	0.1

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VRE	39	-4	-2.5
VIC	97	-2	-1.6
VNM	133	-2	-1.4
VJC	141	-2	-1.2
VPB	25	-2	-1.1



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	36.95	13.0%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	15.50	23.0%	11.6	14.5
3	HBC	26/9/2018	25.20	23.95	-5.0%	23.2	29.0
4	PTB	10/4/2018	64.00	67.40	5.3%	58.9	73.6
Trung bình					10.4%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá	Giá hiện tại	Hiệu suất	Dừng	Mục
1	MBB	27/4/2015	13.8	23.75	72.1%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	41.20	61.8%	24.2	43.5
3	HCM	18/09/2017	41.9	67.50	61.1%	39.8	60.0
4	GEX	2/4/2018	29.4	29.00	-1.4%	27.9	40.0
Trung bình					48.4%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá	Giá hiện tại	Hiệu suất	Dừng	Mục
1	PVT	23/06/2016	11.1	19.0	70.7%	17.0	22.7
2	ACB	2/2/2018	32.4	33.7	4.0%	30.8	45.0
3	PNJ	21/08/2018	105.0	106.7	1.6%	95.0	125.0
Trung bình					25.5%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	128.0	1.2%	0.6	1,797	3.7	8,472	15.1	5.5	49.0%	43.9%	
PNJ	Bán lẻ	106.7	0.0%	0.9	752	1.7	5,110	20.9	5.1	49.0%	33.9%	
BVH	Bảo hiểm	93.1	-3.0%	1.5	2,837	0.3	1,831	50.9	4.3	24.8%	8.5%	
PVI	Bảo hiểm	33.5	1.5%	0.8	337	0.1	1,984	16.9	1.1	43.9%	7.7%	
VIC	Bất động sản	96.6	-1.9%	1.1	13,405	7.5	1,292	74.8	6.9	7.5%	11.2%	
VRE	Bất động sản	39.3	-4.1%	1.1	3,248	3.3	791	49.7	2.9	31.5%	5.7%	
NVL	Bất động sản	63.5	-0.5%	0.8	2,505	2.8	2,534	25.1	4.1	8.3%	18.7%	
REE	Bất động sản	37.0	-0.3%	1.0	498	0.8	5,319	6.9	1.4	49.0%	20.9%	
DXG	Bất động sản	28.7	0.0%	1.5	437	2.3	2,870	10.0	2.3	46.4%	26.2%	
SSI	Chứng khoán	32.6	-0.2%	1.3	706	3.5	2,585	12.6	1.8	56.3%	14.4%	
VCI	Chứng khoán	64.4	-2.4%	1.0	456	0.3	4,289	15.0	3.5	41.1%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	67.5	0.6%	1.3	380	0.5	6,129	11.0	3.0	61.8%	29.3%	
FPT	Công nghệ	45.0	-1.3%	0.9	1,200	1.0	5,094	8.8	2.3	49.0%	28.6%	
FOX	Công nghệ	52.0	0.0%	0.4	511	0.0	3,453	15.1	3.9	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	116.5	-2.9%	1.6	9,695	1.8	5,796	20.1	5.2	3.6%	27.4%	
PLX	Dầu khí	66.8	-3.2%	1.5	3,366	4.3	3,254	20.5	4.1	11.0%	18.3%	
PVS	Dầu khí	22.7	-2.2%	1.8	441	6.9	1,620	14.0	0.9	20.7%	6.8%	
BSR	Dầu khí	19.1	-2.6%	0.8	2,575	2.9	#N/A	N/A	N/A	N/A	36.9%	23.0%
DHG	Dược	93.8	-0.2%	0.5	533	0.3	4,035	23.2	4.2	49.5%	18.4%	
DPM	Hóa chất	18.6	-1.8%	1.0	316	1.3	1,444	12.9	0.9	20.7%	8.0%	
DCM	Hóa chất	10.5	-3.7%	0.6	241	0.6	790	13.2	0.9	4.0%	6.6%	
VCB	Ngân hàng	61.6	-0.8%	1.4	9,636	3.6	3,140	19.6	3.8	20.8%	20.5%	
BID	Ngân hàng	36.0	1.4%	1.7	5,351	5.1	2,329	15.5	2.5	2.5%	16.7%	
CTG	Ngân hàng	26.9	-0.9%	1.6	4,347	5.5	2,085	12.9	1.5	30.0%	12.2%	
VPB	Ngân hàng	25.3	-1.7%	1.2	2,702	5.0	2,663	9.5	2.2	23.5%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	23.8	0.2%	1.3	2,231	5.3	2,113	11.2	1.7	20.0%	16.3%	
ACB	Ngân hàng	33.7	0.3%	1.2	1,827	3.2	2,887	11.7	2.3	29.8%	21.7%	
BMP	Nhựa	68.0	0.6%	0.8	242	0.8	5,642	12.1	2.3	76.8%	19.6%	
NTP	Nhựa	49.8	4.6%	0.4	193	0.0	4,932	10.1	2.1	23.1%	22.0%	
MSR	Tài nguyên	21.9	1.4%	1.2	856	0.0	229	95.7	1.7	2.6%	1.8%	
HPG	Thép	41.2	-0.6%	0.9	3,805	6.7	4,210	9.8	2.4	39.7%	30.1%	
HSG	Thép	13.3	4.7%	1.4	223	6.7	1,861	7.1	1.0	19.5%	14.0%	
VNM	Tiêu dùng	133.0	-1.6%	0.6	10,070	3.3	5,065	26.3	8.9	59.1%	34.9%	
SAB	Tiêu dùng	223.2	0.0%	0.8	6,223	0.2	7,082	31.5	9.1	9.7%	31.2%	
MSN	Tiêu dùng	89.8	-1.3%	1.1	4,541	7.6	5,370	16.7	5.6	38.0%	32.2%	
SBT	Tiêu dùng	20.4	0.0%	0.8	439	1.6	1,053	19.4	1.6	8.1%	11.1%	
ACV	Vận tải	84.0	-1.2%	0.8	7,951	0.0	1,883	44.6	6.7	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	140.6	-1.7%	1.1	3,311	4.1	9,463	14.9	7.2	24.3%	67.1%	
HVN	Vận tải	38.2	-3.0%	1.7	2,075	1.4	1,727	22.1	3.1	9.2%	14.6%	
GMD	Vận tải	28.4	0.0%	0.9	366	3.0	6,218	4.6	1.4	20.4%	30.1%	
PVT	Vận tải	19.0	1.9%	0.8	232	0.2	2,168	8.7	1.4	34.3%	17.2%	
VCS	Vật liệu xây dựng	81.5	-5.2%	1.0	567	3.4	5,657	14.4	4.8	2.5%	46.4%	
VGC	Vật liệu xây dựng	18.6	1.1%	0.9	363	0.8	1,309	14.2	1.3	24.8%	9.0%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.5	-1.0%	0.6	257	0.2	1,537	10.1	1.1	4.8%	10.9%	
CTD	Xây dựng	166.1	0.1%	0.8	565	1.2	20,360	8.2	1.7	43.9%	22.5%	
VCG	Xây dựng	19.7	2.6%	1.5	378	2.6	2,715	7.3	1.4	10.6%	19.2%	
CII	Xây dựng	26.4	1.0%	0.6	281	0.4	(39)	N/A	N/A	1.3	55.1%	-0.2%
POW	Điện	15.5	-2.5%	0.6	1,578	1.7	1,026	15.1	1.4	71.6%	9.1%	
NT2	Điện	26.7	2.9%	0.7	334	0.6	2,912	9.2	2.1	21.4%	19.5%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	36.00	1.41	0.53	3.27MLN
MWG	128.00	1.19	0.15	660700.00
TCH	24.25	4.08	0.11	5.01MLN
YEG	239.00	3.87	0.09	14710.00
HSG	13.30	4.72	0.07	11.86MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	116.50	-2.92	-2.08	347700.00
VIC	96.60	-1.93	-1.89	1.77MLN
VHM	80.00	-2.06	-1.40	265800.00
VNM	133.00	-1.63	-1.19	566750.00
VRE	39.30	-4.15	-1.01	1.90MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LGL	7.49	7.00	0.01	148620.00
HID	3.54	6.95	0.00	255150.00
TNT	2.78	6.92	0.00	1.17MLN
ATG	3.27	6.86	0.00	251900.00
C47	17.45	6.73	0.01	112270.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KAC	6.84	-6.94	0.00	10.00
HVG	8.19	-6.93	-0.04	1.26MLN
HU1	9.54	-6.93	0.00	90.00
TGG	10.75	-6.93	-0.01	591040.00
TIE	9.29	-6.91	0.00	20.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	33.70	0.30	0.13	2.17MLN
NTP	49.80	4.62	0.06	1100.00
VGC	18.60	1.09	0.04	1.05MLN
PHP	13.00	9.24	0.04	154100.00
VCG	19.70	2.60	0.03	3.06MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	81.50	-5.23	-0.15	945400.00
PVS	22.70	-2.16	-0.12	6.99MLN
SHB	8.80	-1.12	-0.11	7.54MLN
ART	8.30	-9.78	-0.09	4.39MLN
PGS	30.90	-4.63	-0.05	300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

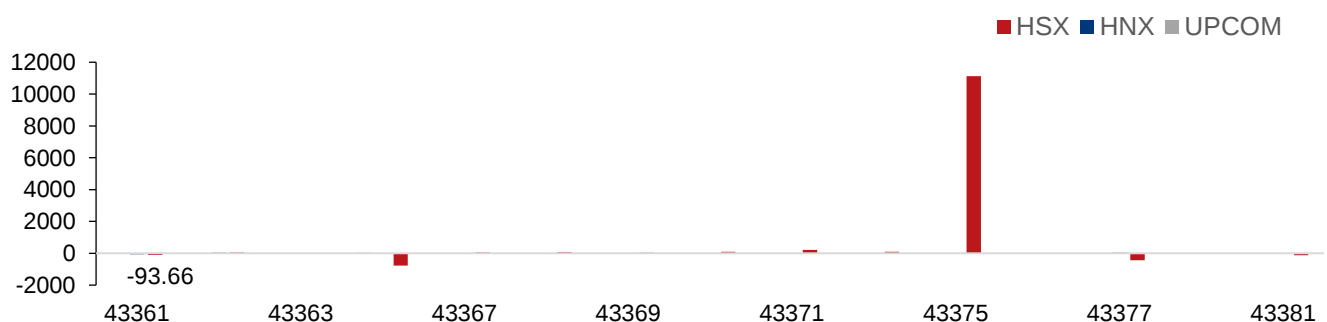
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ADC	19.80	10.00	0.00	100.00
MIM	18.70	10.00	0.00	100.00
PJC	41.80	10.00	0.01	600.00
VE4	6.60	10.00	0.00	5400.00
VIE	13.30	9.92	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.80	-11.11	0.00	350000.00
ART	8.30	-9.78	-0.09	4.39MLN
DPC	14.10	-9.62	0.00	300.00
KST	16.20	-9.50	0.00	1000.00
CET	2.90	-9.38	0.00	40300.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	16.1	170	94.5	1.3	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	26.7	2,912	9.2	2.1	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	14.3	1,003	14.3	1.2	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	28.0	-831	#N/A	2.1	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	33.7	2,887	11.7	2.3	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	45.4	5,570	8.2	1.5	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	17.8	1,035	17.2	1.6	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	19.0	2,168	8.7	1.4	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	41.2	4,210	9.8	2.4	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	28.7	2,870	10.0	2.3	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	17.0	2,847	6.0	1.2	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	34.9	5,765	6.1	1.9	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	45.0	5,094	8.8	2.3	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	61.6	3,140	19.6	3.8	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	22.7	1,620	14.0	0.9	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	23.8	2,113	11.2	1.7	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	166.1	20,360	8.2	1.7	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.8	-697	#N/A	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	100.0	18,378	5.4	1.6	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	106.7	5,110	20.9	5.1	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

